

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[2] - [4]
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	[5] - [6]
<b>3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	[10] - [11]
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng chọn lọc	[12] - [40]

# CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Ngày 10/08/2022, Công ty đã gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Bà An Hà My	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam Thôn Du Ngoại, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

#### Công ty có các chi nhánh như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	Số 59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á tại Đà Nẵng	Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

#### 5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 02/2019/HDA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2021 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng./.) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng./.).

#### 6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

#### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### 9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Sơn**

Số: 79-1/2022/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>224.908.936.421</b>	<b>136.666.136.367</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>55.541.731.066</b>	<b>56.296.968.790</b>
1. Tiền	111	5.1	55.541.731.066	56.296.968.790
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>84.262.201.776</b>	<b>43.574.570.844</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	17.991.326.681	31.218.669.389
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	30.544.734.367	1.107.792.672
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	40.915.580.666	16.437.548.721
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.8	(5.189.439.938)	(5.189.439.938)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>81.587.645.570</b>	<b>36.618.451.031</b>
1. Hàng tồn kho	141		81.587.645.570	36.618.451.031
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.517.358.009</b>	<b>176.145.702</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	507.707.009	176.145.702
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.885.746.129	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	123.904.871	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>218.977.113.939</b>	<b>176.474.258.815</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.663.161.304</b>	<b>16.771.835.094</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	13.663.161.304	16.771.835.094
- Nguyên giá	222		46.974.300.917	50.079.198.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.311.139.613)	(33.307.363.096)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		40.212.000	40.212.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.212.000)	(40.212.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>41.172.238.776</b>	<b>40.091.067.772</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	41.172.238.776	40.091.067.772
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>162.402.882.900</b>	<b>117.872.277.362</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		163.800.000.000	118.800.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.397.117.100)	(2.927.722.638)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.738.830.959</b>	<b>1.739.078.587</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.738.830.959	1.739.078.587
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>443.886.050.360</b>	<b>313.140.395.182</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 01a – DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>125.425.318.520</b>	<b>100.630.256.237</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>124.714.888.400</b>	<b>99.793.826.117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	42.283.600.172	29.667.357.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.382.447.395	1.431.703.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	160.278.920	2.925.991.076
4. Phải trả người lao động	314		540.189.366	565.680.405
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	470.000.000	604.475.822
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	18.533.410.071	10.814.899.870
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	54.766.257.438	52.205.013.489
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>710.430.120</b>	<b>836.430.120</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	710.430.120	710.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	126.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.18</b>	<b>318.460.731.840</b>	<b>212.510.138.945</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>318.460.731.840</b>	<b>212.510.138.945</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(275.454.545)	(68.454.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78.806.276.308	67.182.439.634
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		9.929.910.077	30.396.153.856
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.912.990.654	1.161.214.704
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.016.919.423	29.234.939.152
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>443.886.050.360</b>	<b>313.140.395.182</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02a – DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>56.034.152.748</b>	<b>79.999.625.519</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.261.685.752	1.489.828.266
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>54.772.466.996</b>	<b>78.509.797.253</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	39.848.532.181	60.243.542.483
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>14.923.934.815</b>	<b>18.266.254.770</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.311.168.222	5.822.720.450
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.235.595.849	907.234.018
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.766.201.387	1.535.723.000
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	4.179.471.334	4.132.639.810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	5.421.999.738	5.461.449.465
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.398.036.116</b>	<b>13.587.651.927</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	399.645.000	2.589
12. Chi phí khác	32	6.7	89.621.871	211.247.237
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>310.023.129</b>	<b>(211.244.648)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.708.059.245</b>	<b>13.376.407.279</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	691.139.822	1.294.554.436
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>6.016.919.423</b>	<b>12.081.852.843</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03a – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>6.708.059.245</b>	<b>13.376.407.279</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.935.996.117	2.244.360.822
- Các khoản dự phòng	03		469.394.462	(628.488.982)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.267.885.276)	(5.822.720.450)
- Chi phí lãi vay	06		1.766.201.387	1.535.723.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>7.611.765.935</b>	<b>10.705.281.669</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(56.542.403.466)	(3.375.824.632)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.969.194.539)	(13.985.517.110)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.343.813.255	(6.418.656.768)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(331.313.679)	387.905.201
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.766.201.387)	(1.535.723.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.734.920.521)	(1.646.775.248)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(89.388.454.402)</b>	<b>(15.869.309.888)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.392.049.004)	(4.378.583.462)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.440.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.156.289.756	1.481.604
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(28.795.486.521)</b>	<b>(4.377.101.858)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 03 a- DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		115.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.3	79.262.541.592	85.192.006.350
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.4	(76.827.297.643)	(80.613.120.010)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.540.750)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>117.428.703.199</b>	<b>4.578.886.340</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(755.237.724)</b>	<b>(15.667.525.406)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>56.296.968.790</b>	<b>25.733.561.745</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>55.541.731.066</b>	<b>10.066.036.339</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Ngày 10/08/2022, Công ty đã gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các loại sơn, bột bả.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

#### Công ty có các công ty con sau:

##### ❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/01/2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 thay đổi lần 1 ngày 26/01/2018 là 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn ./.)

Trụ sở tại lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, Việt Nam.

##### ❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018 và được đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 25 tháng 01 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 thay đổi lần 2 ngày 25/01/2022 là 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn ./.). Trong kỳ, Công ty có tăng vốn lên 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn ./.). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vốn thực góp của Công ty là 95.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ đồng chẵn ./.) nên Công ty chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở tại số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

**❖ Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107685109 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 28/03/2018 là 5.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ đồng chẵn./.)

Trụ sở tại thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

**Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại các công ty con như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Theo đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%	81,82%	81,82%
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	94,74%	94,74%	90%	90%
Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	90%	90%	90%	90%

**Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á tại Đà Nẵng	Đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ riêng kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Tổng số lao động của công ty tại ngày 30/06/2022: 90 lao động.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Mẫu số B09a-DN****4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG****4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

**4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Mẫu số B09a-DN****4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

**4.5.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm kế toán	05 năm
------------------	--------

**4.6. Các khoản đầu tư tài chính****- Đầu tư vào các công ty con**

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

**- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được xác định theo nguyên tắc giá gốc bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.10. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

**4.11. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.12. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay, chi phí cho hoạt động đầu tư phát sinh trong kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.13. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.14. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.15. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN

**4.16. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

**4.17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>30/06/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
Tiền mặt	4.106.441.697		344.239.559	
Tiền gửi ngân hàng	51.435.289.369		55.952.729.231	
<b>Cộng</b>	<b>55.541.731.066</b>		<b>56.296.968.790</b>	
<b>5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>30/06/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>17.991.326.681</b>		<b>31.218.669.389</b>	
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	-		16.470.455.030	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	17.991.326.681		14.748.214.359	
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>17.991.326.681</b>		<b>31.218.669.389</b>	
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	1.638.298.223		16.470.455.030	
<b>Cộng</b>	<b>1.638.298.223</b>		<b>16.470.455.030</b>	
<b>5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>30/06/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>30.544.734.367</b>		<b>1.107.792.672</b>	
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	19.575.000.000		-	
- Công ty TNHH Solid Tech	10.425.000.000		-	
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn XD PCCC Thăng Long	-		147.628.800	
- Công ty Cổ phần Swan Windows Việt Nam	-		137.472.553	
- Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Trường Sơn	-		177.023.000	
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	544.734.367		645.668.319	
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-		-	
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-		-	
<b>5.4 . PHẢI THU KHÁC</b>	<b>30/06/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>40.915.580.666</b>	-	<b>16.437.548.721</b>	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.753.838.708	-	14.598.960.242	-
- Tạm ứng	7.747.664.957	-	1.254.922.098	-
- Phải thu khác	1.414.077.001	-	583.666.381	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (i)	30.000.000.000	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>1.878.838.708</b>	-	<b>14.598.960.244</b>	-
+ Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	125.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Bewin&Coating SG	-	-	1.763.949.821	-
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	1.753.838.708	-	12.835.010.423	-
(i) Đặt cọc cho ông Hữu Minh Tuấn mua bất động sản tại dự án Khu số 2 thuộc Khu đô thị phía đông, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang theo hợp đồng đặt cọc số 01/2022/HĐĐC-HSDA ngày 07/04/2022.				

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**5.5 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	47.130.418.628	-	21.718.147.267	-
Công cụ, dụng cụ	299.305.522	-	332.901.547	-
Chi phí SXKD dở dang	10.611.635.538	-	5.593.494.175	-
Thành phẩm nhập kho	23.411.861.382	-	8.833.161.117	-
Hàng hóa	134.424.500	-	140.746.925	-
<b>Cộng</b>	<b>81.587.645.570</b>	<b>-</b>	<b>36.618.451.031</b>	<b>-</b>

**5.6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2022	01/01/2022
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>507.707.009</b>	<b>176.145.702</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	132.339.622	63.528.096
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	375.367.387	112.617.606
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.738.830.959</b>	<b>1.739.078.587</b>
- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa	1.500.000.000	1.636.363.636
- Chi phí trả trước khác	238.830.959	102.714.951
<b>Cộng</b>	<b>2.246.537.968</b>	<b>1.915.224.289</b>

**5.7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2022	01/01/2022
- Xây dựng cơ bản	41.172.238.776	40.091.067.772
+ Sửa chữa văn phòng và nhà máy sản xuất	41.172.238.776	40.091.067.772
<b>Cộng</b>	<b>41.172.238.776</b>	<b>40.091.067.772</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**5.8 . NỢ XẤU****Mẫu số B 09a - DN**

Đơn vị : VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192.880.615	-	192.880.615	-
Công ty TNHH Phương Đông	31.631.516	-	31.631.516	-
Công ty TNHH MTV TM Sơn Hiến	102.599.197	-	102.599.197	-
Công ty TNHH TM An Dương	48.966.375	-	48.966.375	-
Doanh nghiệp Minh Châu	41.393.406	-	41.393.406	-
Công ty TNHH XD & TMDV Hưng Việt	186.296.132	-	186.296.132	-
Công ty TNHH XD & TMDT Đại Phú Gia	99.476.541	-	99.476.541	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Huy Phát	30.396.555	-	30.396.555	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải số 6	22.396.342	-	22.396.342	-
Công ty TNHH Thanh Phương	28.259.444	-	28.259.444	-
Công ty TNHH XD Vận tải Hải Nam	29.252.869	-	29.252.869	-
Công ty TNHH Xây dựng Phú Yên	68.156.611	-	68.156.611	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	179.478.333	89.739.167	179.478.333	89.739.167
Nhà phân phối Châu Ái	31.561.658	15.780.829	31.561.658	15.780.829
Nhà phân phối Dương Việt Dũng	74.973.795	37.486.897	74.973.795	37.486.897
Nhà phân phối Mạnh Dũng	37.013.327	18.506.663	37.013.327	18.506.663
Nhà phân phối Phúc Hưng	59.790.270	29.895.135	59.790.270	29.895.135
Nhà phân phối sơn Viglacera	68.749.775	34.374.888	68.749.775	34.374.888
Tuyết Hoàn	51.268.960	25.634.480	51.268.960	25.634.480
Xí nghiệp Xây dựng 4 - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng VIG	162.049.631	81.024.816	162.049.631	81.024.816
Đại lý Hằng Cường	36.997.153	18.498.576	36.997.153	18.498.576
Các công ty khác	5.701.363.158	1.744.570.274	5.701.363.158	1.744.570.274
<b>Cộng</b>	<b>7.284.951.663</b>	<b>2.095.511.725</b>	<b>7.284.951.663</b>	<b>2.095.511.725</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

#### 5.9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Mẫu số B.09a - DN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022	01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>			
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>2.000.000.000</b>	-	<b>2.000.000.000</b>
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>163.800.000.000</b>	<b>(3.397.117.100)</b>	<b>118.800.000.000</b>
- Đầu tư vào Công ty con	<b>163.800.000.000</b>	<b>(3.397.117.100)</b>	<b>118.800.000.000</b>
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	45.000.000.000	-	45.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	90.000.000.000	-	90.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Cầu Đường Việt Nam	28.800.000.000	(3.397.117.100)	28.800.000.000

(i) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành năm 2020, số lượng 20.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 8 năm, năm đáo hạn 2028, lãi suất trái phiếu là lãi suất tham chiếu +0,9%/năm. Toàn bộ trái phiếu đã được cầm cố cho các khoản vay của công ty.

#### Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con trong kỳ

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG tiền thân là Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sơn.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại sơn.

Công ty Cổ phần Cầu Đường Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

#### Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty con

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG chủ yếu là mua bán tài sản, vỏ thùng sơn.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam chủ yếu là mua bán sơn thành phẩm.

(\*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Mẫu số B 09a - DN****5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	11.973.103.252	11.717.933.758	25.599.361.178	788.800.002	<b>50.079.198.190</b>
Tăng trong kỳ	-	170.500.000	-	140.378.000	<b>310.878.000</b>
- Mua trong kỳ	-	170.500.000	-	140.378.000	<b>310.878.000</b>
- Tặng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(3.415.775.273)	-	<b>(3.415.775.273)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.415.775.273)	-	<b>(3.415.775.273)</b>
Số dư cuối kỳ	11.973.103.252	11.888.433.758	22.183.585.905	929.178.002	<b>46.974.300.917</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.897.209.957	9.384.465.811	18.696.262.283	329.425.045	<b>33.307.363.096</b>
Tăng trong kỳ	192.716.490	154.463.794	1.497.659.873	91.155.960	<b>1.935.996.117</b>
- Số khấu hao trong kỳ	192.716.490	154.463.794	1.497.659.873	91.155.960	<b>1.935.996.117</b>
Giảm trong kỳ	-	-	(1.932.219.600)	-	<b>(1.932.219.600)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.932.219.600)	-	<b>(1.932.219.600)</b>
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.089.926.447	9.538.929.605	18.261.702.556	420.581.005	<b>33.311.139.613</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	7.075.893.295	2.333.467.947	6.903.098.895	459.374.957	<b>16.771.835.094</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	6.883.176.805	2.349.504.153	3.921.883.349	508.596.997	<b>13.663.161.304</b>

• Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.652.137.479 VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.634.472.007 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a - DN

**5.11 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	40.212.000	-	<b>40.212.000</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	40.212.000	-	<b>40.212.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	40.212.000	-	<b>40.212.000</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Số khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	40.212.000	-	<b>40.212.000</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

• Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- VND	- VND
40.212.000 VND	

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>42.283.600.172</b>	<b>42.283.600.172</b>	<b>29.667.357.025</b>	<b>29.667.357.025</b>
- Công ty Cổ phần Kemic	3.433.041.200	3.433.041.200	2.960.061.200	2.960.061.200
- Công ty TNHH SX-TM Ngọc Sơn Hà Nội	7.287.038.430	7.287.038.430	4.807.939.840	4.807.939.840
- Tổng Công ty Viglacera -CTCP	1.603.841.532	1.603.841.532	1.891.770.971	1.891.770.971
- Công ty TNHH Thái Sơn G.M	5.951.471.067	5.951.471.067	2.707.348.789	2.707.348.789
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ TTK	4.778.517.460	4.778.517.460	1.794.013.660	1.794.013.660
- Phải trả cho các đối tượng khác	19.229.690.483	19.229.690.483	15.506.222.565	15.506.222.565
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>103.699.621</b>	<b>103.699.621</b>	<b>103.699.621</b>	<b>103.699.621</b>
- Công ty TNHH Thương mại Quảng Ngà	27.629.620	27.629.620	27.629.620	27.629.620
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38.000.000	38.000.000	38.000.000	38.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yên	38.070.001	38.070.001	38.070.001	38.070.001
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>780.152.638</b>	<b>780.152.638</b>	<b>255.698.982</b>	<b>255.698.982</b>
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	780.152.638	780.152.638	255.698.982	255.698.982
<b>5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>	<b>30/06/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>6.382.447.395</b>	<b>6.382.447.395</b>	<b>1.431.703.392</b>	<b>1.431.703.392</b>
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	5.333.195.822	5.333.195.822	620.941.416	620.941.416
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.049.251.574	1.049.251.574	810.761.976	810.761.976
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	5.333.195.822	5.333.195.822	620.941.416	620.941.416

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	30/06/2022
<b>a) Phải nộp</b>	<b>2.925.991.076</b>	<b>7.495.298.674</b>	<b>10.261.010.830</b>	<b>160.278.920</b>
- Thuế GTGT	1.560.757.851	6.397.294.055	7.896.175.874	61.876.032
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	806.012.930	1.025.432.591	1.734.920.521	96.525.000
- Thuế thu nhập cá nhân	559.220.295	72.572.028	629.914.435	1.877.888
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	<b>01/01/2022</b>	<b>Số phải thu trong kỳ</b>	<b>Số đã thu trong kỳ</b>	<b>30/06/2022</b>
<b>b) Phải thu</b>	-	<b>123.904.871</b>	-	<b>123.904.871</b>
- Thuế GTGT	-	20.756.798	-	20.756.798
- Thuế thu nhập cá nhân	-	103.148.073	-	103.148.073

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.533.410.071</b>	<b>10.814.899.870</b>
- Kinh phí công đoàn	93.680.840	98.967.545
- Bảo hiểm xã hội	304.325.302	202.068.723
- Phải trả, phải nộp khác	15.155.657.950	10.513.863.602
- Tạm ứng (dư Có)	97.408.225	-
- Phải thu khác (dư Có)	2.882.337.754	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>710.430.120</b>	<b>710.430.120</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	710.430.120	710.430.120
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>4.186.050.181</b>	-
- Công ty Cổ phần Bewin&Coating SG	4.186.050.181	-

**5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2022	01/01/2022
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>470.000.000</b>	<b>604.475.822</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	100.000.000
- Chi phí phải trả khác	420.000.000	504.475.822
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Mẫu số B 09a - DN****5.17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****Trong kỳ****30/06/2022****01/01/2022**

a) Vay	Số có khả năng trả nợ		Giảm		Tăng		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị				Giá trị		Giá trị	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>54.766.257.438</b>	<b>54.766.257.438</b>	<b>79.388.541.592</b>	<b>76.827.297.643</b>	<b>52.205.013.489</b>	<b>52.205.013.489</b>	<b>52.205.013.489</b>	<b>52.205.013.489</b>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>54.466.049.101</b>	<b>54.466.049.101</b>	<b>79.262.541.592</b>	<b>76.617.880.977</b>	<b>51.821.388.486</b>	<b>51.821.388.486</b>	<b>51.821.388.486</b>	<b>51.821.388.486</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	15.292.459.276	15.292.459.276	17.876.226.376	18.560.507.148	15.976.740.048	15.976.740.048	15.976.740.048	15.976.740.048
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	13.375.519.972	13.375.519.972	23.676.997.497	23.596.757.799	13.295.280.274	13.295.280.274	13.295.280.274	13.295.280.274
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	12.577.546.593	12.577.546.593	25.394.894.459	34.460.616.030	21.643.268.164	21.643.268.164	21.643.268.164	21.643.268.164
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đống Đa (4)	9.293.531.521	9.293.531.521	9.293.531.521	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (5)	3.020.891.739	3.020.891.739	3.020.891.739	-	-	-	-	-
- Ngân hàng chính sách xã hội - huyện Gia Lâm (6)	906.100.000	906.100.000	-	-	906.100.000	906.100.000	906.100.000	906.100.000
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>300.208.337</b>	<b>300.208.337</b>	<b>126.000.000</b>	<b>209.416.666</b>	<b>383.625.003</b>	<b>383.625.003</b>	<b>383.625.003</b>	<b>383.625.003</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (7)	167.000.000	167.000.000	77.000.000	90.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (8)	133.208.337	133.208.337	49.000.000	119.416.666	203.625.003	203.625.003	203.625.003	203.625.003
<b>Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (7)	-	-	-	77.000.000	77.000.000	77.000.000	77.000.000	77.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (8)	-	-	-	49.000.000	49.000.000	49.000.000	49.000.000	49.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.766.257.438</b>	<b>54.766.257.438</b>	<b>79.388.541.592</b>	<b>76.953.297.643</b>	<b>52.331.013.489</b>	<b>52.331.013.489</b>	<b>52.331.013.489</b>	<b>52.331.013.489</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/4729252/HĐTĐ giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ngày 20/06/2021, hạn mức cho vay 30 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là ô tô Toyota Innova 2.0E BKS 29A-871.21, ô tô Hyundai I10 BKS 30A.627.39 và các quyền sử dụng đất, căn hộ của bên thứ 3, cổ phiếu của bên thứ 3.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng ký ngày 19/03/2021 và phụ lục ngày 15/06/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 13,5 tỷ đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức số 260-03/2021-HDCV/NHCT131-SDA ngày 06 tháng 08 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 25 tỷ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm. Tài sản thế chấp là 1 xe Lexus, toàn bộ 60 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 và đáo hạn năm 2026, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-610.26, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-383.46, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29C-608.49, 1 xe Mazda BKS 30E-063.63, 1 xe ô tô Kia BKS 30E-492.90, 1 xe ô tô Hyundai BKS 30F-372.89, 1 xe Hyundai BKS 30F-547.96, 1 xe Hyundai BKS 30F-708, 1 xe Hyundai BKS 30F-191.98, 1 xe Hyundai BKS 30F192-48, 1 xe ô tô Nissan BKS 29H-141.11, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29H-216.07, 1 xe ô tô Nissan BKS 29C-799.21, 1 xe ô tô tải Ford BKS 29C-790.49, 1 xe ô tô tải Hyundai BKS 30F-527.55, các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty cùng các máy móc thiết bị pha chế sơn và nhiều bất động sản của bên thứ 3.

(4) Hợp đồng cấp tín dụng số 41747.21.059.1978415.TD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa ngày 08/08/2021. Hạn mức tín dụng 1: 15 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 2,5 tỷ đồng, hạn mức phát hành L/C (không gồm LC xuất khẩu) là 5 tỷ đồng; Hạn mức tín dụng 2: 30 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 5 tỷ đồng, hạn mức phát hành L/C (không gồm LC xuất khẩu) là 10 tỷ đồng. Tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng này hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi Công ty có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của hạn mức tín dụng 1 có đề nghị gửi cho ngân hàng và được ngân hàng chấp thuận. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 19/07/2022, thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 9 tháng. Tài sản đảm bảo là 4 xe ô tô Hyundai BKS 30F-134.12, 30F-136.49, 30F-165.53, 30F-372.89 và 3 xe ô tô Toyota BKS 30F-194.34, 30F-195.05, 30F-244.36 của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á; 2 xe ô tô Hyundai số 30F-682.15 và 30F-682.28 của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam.

(5) Hợp đồng cấp tín dụng số 32/22/CTD/VCBCD-SDA giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 08/06/2022, giới hạn cấp tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 08/06/2023, lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 25/6 Liên khu 7-13, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Quốc Quyền, bà Nguyễn Thị Thúy Nga; quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 05 nhà C2 TT viện sốt rét - KST - CTTrung ương, phường Trung Vãn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của ông TRẦN XUÂN THỌ, bà Nguyễn Thị Ngọc Minh; 1.214.000 cổ phiếu HDA của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á của bà Lê Như Ngọc, ông Nguyễn Văn Sơn; Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh đang trên đường vận chuyển hoặc được để tại kho của Công ty tại số 59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và/hoặc tại khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

(6) Hợp đồng tín dụng số 6600000721339721/2021/HĐTĐ ngày 30/09/2021 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng số 6600000721516835/2021/HĐTĐ/PL01 ngày 29/10/2021 và phụ lục số 6600000721710684/2021/HĐTĐ/PL ngày 26/11/2021 giữa Công ty và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Gia Lâm, tổng số tiền vay là 906.100.000 đồng, thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân món đầu tiên, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để trả lương ngừng việc cho người lao động tháng 8, tháng 9, tháng 10.

(7) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4729252/HĐTĐ ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, hạn mức vay 542 triệu đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô Hyundai Tucson 2.0AT bản đặc biệt máy xăng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất đến 30/06/2020 là 10,5%/năm, từ 01/07/2020 lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản thế chấp là xe Hyundai hình thành từ khoản vay.

(8) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 193-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, hạn mức 392.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 01 xe ô tô mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

(8) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 420-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 29/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, hạn mức 422.500.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 29H-216.07, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a - DN

**5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	115.000.000.000	(68.454.545)	-	62.876.752.824	11.527.902.137	189.336.200.416
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	29.234.939.152	29.234.939.152
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.305.686.810	-	4.305.686.810
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(10.366.687.433)	(10.366.687.433)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	115.000.000.000	(68.454.545)	-	67.182.439.634	30.396.153.856	212.510.138.945
Tăng vốn trong kỳ này (*)	115.000.000.000	-	-	-	-	115.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	6.016.919.423	6.016.919.423
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.623.836.674	-	11.623.836.674
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	(26.483.163.202)	(26.483.163.202)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	230.000.000.000	(275.454.545)	-	78.806.276.308	9.929.910.077	318.460.731.840

(\*) Trong kỳ, Công ty tăng vốn theo Nghị quyết số 02/2019/HĐA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2021.  
(\*\*) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022. Chi tiết như sau:

- Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền	13.800.000.000
- Chi trả thù lao HĐQT và Thư ký Công ty	1.059.326.528
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	11.623.836.674
<b>Tổng</b>	<b>26.483.163.202</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp tại ngày 30/06/2022</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Bà Lê Như Ngọc	14,15%	32.549.000.000	12.140.000.000
Ông Mai Anh Tám	8,35%	19.206.270.000	9.603.270.000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	3,60%	8.269.000.000	8.269.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	73,90%	169.975.730.000	84.987.730.000
<b>Cộng</b>		<b>230.000.000.000</b>	<b>115.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		115.000.000.000	115.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		115.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		-	-
- Vốn góp cuối kỳ		230.000.000.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		26.483.163.202	10.366.687.433
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		23.000.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>		<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		78.806.276.308	67.182.439.634
<b>g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.</b>			

**5.19 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>6.1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>56.034.152.748</b>	<b>79.999.625.519</b>
Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn	50.301.020.416	73.437.996.407
Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh bột bả	1.707.214.945	1.756.106.406
Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	4.025.917.387	4.805.522.706
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>54.535.402.195</b>	<b>79.789.107.517</b>
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	125.806.270	96.987.850
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	54.409.595.925	79.692.119.667
<b>6.2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Hàng bán bị trả lại	1.261.685.752	1.489.828.266
<b>Cộng</b>	<b>1.261.685.752</b>	<b>1.489.828.266</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>1.253.068.445</b>	<b>1.489.828.266</b>
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	711.906.194	1.489.828.266
- Chi nhánh CTCP Hăng Sơn Đông Á tại Đà Nẵng	541.162.251	-
<b>6.3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
<b>Giá vốn của hàng đã bán</b>	<b>39.848.532.181</b>	<b>60.243.542.483</b>
Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn	35.437.972.313	54.194.360.447
Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả	1.348.980.940	2.066.801.119
Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	3.061.578.928	3.982.380.917
<b>Cộng</b>	<b>39.848.532.181</b>	<b>60.243.542.483</b>
<b>6.4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	12.469.162	1.481.604
Cổ tức được chia	3.298.699.060	5.821.238.846
<b>Cộng</b>	<b>3.311.168.222</b>	<b>5.822.720.450</b>
<b>6.5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Lãi tiền vay	1.766.201.387	1.535.723.000
Dự phòng tổn thất đầu tư	469.394.462	175.551.549
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(804.040.531)
<b>Cộng</b>	<b>2.235.595.849</b>	<b>907.234.018</b>
<b>6.6. THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Thu nhập khác	399.645.000	2.589
<b>Cộng</b>	<b>399.645.000</b>	<b>2.589</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Lỗ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ	43.282.946	-
+ Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	1.440.272.727	-
+ Giá trị còn lại của TSCĐ	1.483.555.673	-
Các khoản khác	46.338.925	211.247.237
<b>Cộng</b>	<b>89.621.871</b>	<b>211.247.237</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>5.421.999.738</b>	<b>5.461.449.465</b>
- Chi phí nhân viên	3.669.283.833	3.432.967.281
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	493.171.153	502.371.912
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.259.544.752	1.526.110.272
<b>b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>4.179.471.334</b>	<b>4.132.639.810</b>
- Chi phí nhân viên	1.355.959.285	1.143.171.611
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.171.093.358	1.458.444.156
- Chi phí quảng cáo	192.988.759	285.410.659
- Chi phí bán hàng khác	1.459.429.932	1.245.613.384
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.038.975.668	59.442.135.424
Chi phí nhân công	7.765.380.246	7.536.209.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.935.996.117	2.244.360.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	843.375.937	1.922.827.208
Chi phí bằng tiền khác	2.817.657.056	1.789.305.003
<b>Cộng</b>	<b>75.401.385.024</b>	<b>72.934.837.778</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.708.059.245	13.376.407.279
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.338.925	190.136.237
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	46.338.925	190.136.237
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	3.298.699.060	7.093.771.337
+ <i>Lỗ của chi nhánh Đà Nẵng năm trước</i>	-	1.272.532.491
+ <i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	3.298.699.060	5.821.238.846
Thu nhập miễn thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.455.699.110	6.472.772.179
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	691.139.822	1.294.554.436

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai****7.2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:****7.3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
79.262.541.592	85.192.006.350

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

**7.4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
76.827.297.643	80.613.120.010

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

#### 8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

##### 8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơ	Sản xuất và kinh doanh bộ bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	50.301.020.416	1.707.214.945	4.025.917.387	56.034.152.748
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.261.685.752	-	-	1.261.685.752
Giá vốn hàng bán	35.437.972.313	1.348.980.940	3.061.578.928	39.848.532.181
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>13.601.362.351</b>	<b>358.234.005</b>	<b>964.338.459</b>	<b>14.923.934.815</b>
<b>Tổng tài sản</b>				<b>443.886.050.360</b>
<b>Nợ phải trả</b>				<b>125.425.318.520</b>
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)				1.392.049.004

Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

Kỳ trước

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơ	Sản xuất và kinh doanh bộ bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	73.437.996.407	1.756.106.406	4.805.522.706	79.999.625.519
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.489.828.266	-	-	1.489.828.266
Giá vốn hàng bán	54.750.910.057	1.510.251.509	3.982.380.917	60.243.542.483
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>17.197.258.084</b>	<b>245.854.897</b>	<b>823.141.789</b>	<b>18.266.254.770</b>
<b>Tổng tài sản</b>				<b>303.013.885.575</b>
<b>Nợ phải trả</b>				<b>107.656.832.939</b>

Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)

Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a - DN

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

**Kỳ này**

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	TỔNG CỘNG
Doanh thu	46.893.165.316	9.140.987.432	56.034.152.748
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.253.068.445	8.617.307	1.261.685.752
Giá vốn hàng bán	32.364.166.082	7.484.366.099	39.848.532.181
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>13.275.930.789</b>	<b>1.656.621.333</b>	<b>14.923.934.815</b>

**Kỳ trước**

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	TỔNG CỘNG
Doanh thu	68.533.293.080	11.466.332.439	79.999.625.519
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.492.778.266	-	1.492.778.266
Giá vốn hàng bán	51.258.279.187	8.985.263.296	60.243.542.483
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>15.782.235.627</b>	<b>2.481.069.143</b>	<b>18.263.304.770</b>

**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán**

**8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

**8.6 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 30/06/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.541.731.066	-	55.541.731.066
Phải thu khách hàng	17.991.326.681	-	17.991.326.681
Đầu tư	-	165.800.000.000	165.800.000.000
Phải thu khác	40.915.580.666	-	40.915.580.666
<b>Trừ:</b>	<b>(5.189.439.938)</b>	<b>(3.397.117.100)</b>	<b>(8.586.557.038)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.189.439.938)	-	(5.189.439.938)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(3.397.117.100)	(3.397.117.100)
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.259.198.475</b>	<b>162.402.882.900</b>	<b>271.662.081.375</b>
Các khoản vay và nợ	54.766.257.438	-	54.766.257.438
Phải trả người bán	42.283.600.172	-	42.283.600.172
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	19.003.410.071	710.430.120	19.713.840.191
<b>Tổng cộng</b>	<b>116.053.267.681</b>	<b>710.430.120</b>	<b>116.763.697.801</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(6.794.069.206)</b>	<b>161.692.452.780</b>	<b>154.898.383.574</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2022</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.296.968.790	-	56.296.968.790
Phải thu khách hàng	31.218.669.389	-	31.218.669.389
Đầu tư	-	120.800.000.000	120.800.000.000
Phải thu khác	16.437.548.721	-	16.437.548.721
<b>Trừ:</b>	<b>(5.189.439.938)</b>	<b>(2.927.722.638)</b>	<b>(8.117.162.576)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.189.439.938)	-	(5.189.439.938)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(2.927.722.638)	(2.927.722.638)
<b>Tổng cộng</b>	<b>98.763.746.962</b>	<b>117.872.277.362</b>	<b>216.636.024.324</b>
Các khoản vay và nợ	52.205.013.489	126.000.000	52.331.013.489
Phải trả người bán	29.667.357.025	-	29.667.357.025
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	11.419.375.692	710.430.120	12.129.805.812
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.291.746.206</b>	<b>836.430.120</b>	<b>94.128.176.326</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.472.000.756</b>	<b>117.035.847.242</b>	<b>122.507.847.998</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.906.907.347	47.656.218.110	53.717.467.409	42.466.778.172
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	162.402.882.900	117.872.277.362	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.541.731.066	56.296.968.790	55.541.731.066	56.296.968.790
<b>Tổng cộng</b>	<b>276.851.521.313</b>	<b>221.825.464.262</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	54.766.257.438	52.331.013.489	54.766.257.438	52.331.013.489
Phải trả người bán	42.283.600.172	29.667.357.025	42.283.600.172	29.667.357.025
Phải trả khác	19.243.840.191	11.525.329.990	19.243.840.191	11.525.329.990
<b>Tổng cộng</b>	<b>116.293.697.801</b>	<b>93.523.700.504</b>	<b>116.293.697.801</b>	<b>93.523.700.504</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(\*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

**8.7 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan có giao dịch với Công ty:

Tên gọi	Địa chỉ	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7 đường số 5, KCN Hải Sơn, Đức Hoà Hạ, Đức Hòa, Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	Số 59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	Thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Công ty con
Ông Mai Anh Tám		Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Sơn		Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương		Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Trần Mai		Thành viên HĐQT
Bà An Hà My		Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Quyền		Phó Tổng giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Nam		Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hoàng Trung Kiên		Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Thoa		Thành viên Ban kiểm soát

Ngoài ra, còn các bên liên quan là các cá nhân có mối quan hệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát như: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột,... theo quy định của pháp luật.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài thuyết minh giao dịch với các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ kế toán còn có các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Bán hàng hóa, dịch vụ	137.068.971
	Mua hàng	104.788.110
	Lợi nhuận được chia	1.544.860.352
	Nhận tiền cổ tức	3.308.810.171
	Thu tiền phải thu khác	3.241.189.829
	Chuyển tiền phải thu khác	600.000.000
	Bù trừ công nợ	263.943.344
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	Bán hàng hóa, dịch vụ	49.192.915.539
	Thu tiền bán hàng	70.996.566.390
	Nhập hàng trả lại	783.096.813
	Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.753.838.708
	Góp vốn	45.000.000.000
	Nhận tiền cổ tức	12.835.010.423
	Thu tiền phải thu khác	10.850.048.000
Công ty cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	Chuyển tiền phải thu khác	10.850.048.000
	Chuyển tiền phải thu khác	125.000.000

**b) Thù lao chi trả trong kỳ kế toán cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	413.942.499	427.800.000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc	209.180.837	212.000.000
Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên HĐQT	30.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	30.000.000	20.000.000
Bà An Hà My	Thành viên HĐQT	30.000.000	20.000.000
Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng Ban kiểm soát	172.800.000	65.066.667
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên Ban kiểm soát	-	189.000.000
Bà Lê Thị Thoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	213.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>885.923.336</b>	<b>1.166.866.667</b>

**8.8 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**8.10 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ kế toán Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn